

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN SƠN TINH
TỈNH QUẢNG NGÃI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 36/2018/DS-ST

Ngày 08/10/2018

V/v “*Tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản*”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN SƠN TINH, TỈNH QUẢNG NGÃI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Phan Hoàng

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Bùi Đức Kháng.

2. Ông Xa Văn Nho.

-Thư ký phiên tòa: Ông Lưu Tấn Tâm – Thư ký Tòa án của Tòa án nhân dân huyện Sơn Tinh, tỉnh Quảng Ngãi.

Ngày 08 tháng 10 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Sơn Tinh, tỉnh Quảng Ngãi xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 27/2018/TLST-DS ngày 06/3/2018 về tranh chấp “*Tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản*”. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số:18/2018/QĐXXST-DS ngày 23/7/2018, Quyết định hoãn phiên tòa số:08/2018/QĐST-DS ngày 20/9/2018, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Ông Nguyễn Thanh Đ, sinh năm 1951.

Địa chỉ: Xóm 3, thôn M, xã T, huyện S, Quảng Ngãi, có mặt.

2. *Bị đơn:* Bà Trần Thị Thanh H, sinh năm 1965.

Địa chỉ: Đội 11, thôn P, xã T, huyện S, tỉnh Quảng Ngãi, vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 25/02/2018, bản tự khai ngày 06/3/2018 và trong quá trình xét xử, nguyên đơn ông Nguyễn Thanh Đ trình bày:

Từ năm 2014 đến năm 2016 ông Đ có bán cám thức ăn gia súc [cám cho heo(lợn)] cho bà Trần Thị Thanh H ở thôn P, xã T, huyện S, tỉnh Quảng Ngãi. Bà H có mua của ông nhiều lần và trong thời gian từ năm 2014 đến năm 2016, bà H còn nợ ông với tổng số tiền là 83.130.000 đồng (Tám mươi ba triệu một trăm ba mươi nghìn đồng). Nhiều lần ông đã đến gặp bà H để đòi nợ tiền cám nhưng bà H không chịu trả số tiền trên cho ông, nên vào

ngày 11/7/2017 bà H có viết giấy nợ tiền cám cho ông với số tiền nợ là 83.130.000 đồng, đồng thời bà H đồng ý trả lãi cho ông 1,5%/tháng tính từ tháng 5/2017.

Nay ông Đ yêu cầu bà H phải trả cho ông với tổng số tiền là 104.619.000 đồng (Một trăm linh bốn triệu sáu trăm mười chín nghìn đồng). Trong đó tiền nợ cám là 83.130.000 đồng và 21.489.000 đồng tiền lãi tính từ tháng 5/2017 đến ngày 08/10/2018 với lãi suất 1,5%/tháng.

Bị đơn: Bà Trần Thị Thanh H không nộp văn bản trình bày cho Tòa án, mặc dù đã được Tòa án tổng đạt, niêm yết hợp lệ các thông báo và giấy triệu tập cho bà H.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả hỏi tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về tố tụng:* Tại phiên tòa hôm nay bị đơn bà Trần Thị Thanh H vắng mặt lần thứ hai không có lý do. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử trong trường hợp vắng mặt bị đơn tại phiên tòa.

[2] *Về nội dung vụ án:* Tại phiên tòa nguyên đơn ông Nguyễn Thanh Đ vẫn giữ nguyên yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà Trần Thị Thanh H phải trả cho ông Đ số tiền mua cám cho heo của ông Đ với số tiền là 83.130.000 đồng và tiền lãi là 21.489.000 đồng tính từ tháng 5/2017 đến ngày 08/10/2018 với lãi suất 1,5%/tháng; tổng cộng bà H phải trả cho ông là 104.619.000 đồng (Một trăm linh bốn triệu sáu trăm mười chín nghìn đồng). Để chứng minh cho yêu cầu khởi kiện của mình, trong giai đoạn xét xử ông Đ đã cung cấp cho Tòa án giấy nợ tiền cám của Trần Thị Thanh H, mà theo như ông Đ cho rằng về nội dung là do bà H viết và ký tại thời điểm ngày 11/7/2017 khi hai bên chốt số tiền nợ từ việc mua bán cám cho heo (lợn): *“Hôm nay ngày 11/7/2017; Tiết số nợ cám của Trần Thị Thanh H còn nợ lại của ông Nguyễn Thanh Đ, số tiền nợ cám là: 83.130.000 đồng (Tám mươi ba triệu một trăm ba mươi nghìn đồng chẵn). Nay tôi đồng ý số nợ trên là đúng sau khi đã thống nhất công nợ y như sổ đã tính giờ tôi đồng ý trả lãi cho anh 1,5% số tiền nợ trên từ tháng 5/2017”*.

[2.1] *Đối với tiền nợ cám là 83.130.000 đồng:* Sau khi thụ lý vụ án Tòa án đã thực hiện việc niêm yết hợp lệ Thông báo thụ lý vụ án; Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; tổng đạt hợp lệ Giấy triệu tập số 1318/TA ngày 29/6/2018 cho bà H ký nhận. Nhưng bà H không có ý kiến liên quan đến yêu cầu khởi kiện, chứng cứ do nguyên đơn cung cấp cũng như không có yêu cầu phản tố. Căn cứ vào khoản 1, khoản 2 và khoản 4 Điều 91 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 có thể khẳng định về chứng cứ mà nguyên đơn cung cấp là hợp lệ. Vì vậy, yêu cầu khởi kiện

của nguyên đơn là hoàn toàn có căn cứ nên được chấp nhận; do đó, Hội đồng xét xử buộc bà H trả cho ông Đ số tiền nợ cầm heo là 83.130.000 đồng (Tám mươi ba triệu một trăm ba mươi nghìn đồng).

[2.2] *Về tiền lãi*: Việc ông Đ yêu cầu bà H tính lãi suất 1,5%/ tháng và theo giấy nợ của bà H đồng ý tính lãi cho ông Đ với mức lãi suất 1,5%/tháng không vượt quá so với lãi suất được quy định tại khoản 1 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015: “*Lãi suất vay do các bên thỏa thuận. Trường hợp các bên có thỏa thuận về lãi suất thì lãi suất theo thỏa thuận không được vượt quá 20%/năm của khoản tiền vay, trừ trường hợp luật khác có liên quan quy định khác...*”, nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của ông Đ.

Do đó, bà H phải trả tiền lãi cho ông Đ tính từ ngày 01/5/2017 đến ngày xét xử ngày 08/10/2018 là: $(83.130.000đ \times 1,5\%/tháng \times 17 \text{ tháng } 07 \text{ ngày}) = 21.489.000 \text{ đồng}$ (Hai mươi một triệu bốn trăm tám mươi chín nghìn đồng).

Như vậy, bà Trần Thị Thanh H phải trả cho ông Nguyễn Thanh Đ tổng cộng là 104.619.000 đồng (Một trăm linh bốn triệu sáu trăm mười chín nghìn đồng). Trong đó, nợ tiền cầm heo là 83.130.000 đồng và tiền lãi 21.489.000 đồng.

[3] *Về án phí dân sự sơ thẩm*:

- Ông Nguyễn Thanh Đ không phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm và hoàn trả lại tiền tạm ứng án phí cho ông Đ là phù hợp với quy định của pháp luật.

- Bà Trần Thị Thanh H phải chịu 5.230.950 đồng (Năm triệu hai trăm ba mươi nghìn chín trăm năm mươi đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm ($104.619.000 \text{ đồng} \times 5\% = 5.230.950 \text{ đồng}$) theo quy định tại Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 26, 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

[4] *Kháng cáo*: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, Điều 35, 39, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 430, 433, 440, khoản 2 Điều 357 Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 26, 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội;

Tuyên xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Nguyễn Thanh Đ đối với bị đơn bà Trần Thị Thanh H về việc tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa.

1. Buộc bà Trần Thị Thanh H phải trả cho ông Nguyễn Thanh Đ số tiền 104.619.000 đồng (Một trăm linh bốn triệu sáu trăm mười chín nghìn đồng). Trong đó,

nợ tiền cám heo là 83.130.000 đồng và tiền lãi 21.489.000 đồng (tiền lãi tính từ ngày 01/5/2017 đến ngày xét xử ngày 08 tháng 10 năm 2017).

2. *Về án phí dân sự sơ thẩm:* Bà Trần Thị Thanh H phải chịu 5.230.950 đồng (Năm triệu hai trăm ba mươi nghìn chín trăm năm mươi đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm (104.619.000 đồng x 5% = 5.230.950 đồng).

Ông Nguyễn Thanh Đ không phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm; hoàn trả lại cho ông Nguyễn Thanh Đ số tiền 2.359.000 đồng (Hai triệu ba trăm năm mươi chín nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp tại Biên lai thu tiền số 0000737 ngày 02 tháng 3 năm 2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện S, tỉnh Quảng Ngãi.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành xong, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 357 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

3. *Về quyền kháng cáo:* Ông Nguyễn Thanh Đ có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Bà Trần Thị Thanh H vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Quảng Ngãi;
- VKSND tỉnh Quảng Ngãi;
- VKSND huyện S;
- Chi cục THADS huyện S;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Phan Hoàng

